

PHỤ LỤC 2

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN THI, XÉT TUYỂN

I.1. Điều kiện chung

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam/nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển:

- Có quốc tịch Việt Nam và đang cư trú tại Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;
- Có đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ.

b) Những người dưới đây không được đăng ký dự tuyển:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án hình sự theo quy định của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

I.2. Điều kiện theo ngạch chức danh nghề nghiệp

A. GIẢNG VIÊN (V.07.01.03)

Tiêu chuẩn cụ thể thực hiện theo quy định tại các thông tư:

- Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

- Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

1. Tiêu chuẩn chung

- Người dự tuyển đã có kinh nghiệm công tác, giảng dạy, nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu, Trường Đại học công lập, từ 12 tháng trở lên;

- Đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh giảng viên (hạng III).

2. Đối tượng thi tuyển

Có bằng thạc sĩ phù hợp chuyên môn do các cơ sở đào tạo uy tín trong hay ngoài nước cấp phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển;

3. Đối tượng xét tuyển

Có bằng tiến sĩ phù hợp chuyên môn do các cơ sở đào tạo uy tín trong hay ngoài nước cấp phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển;

B. NGHIÊN CỨU VIÊN (V.05.01.03)

Tiêu chuẩn cụ thể thực hiện theo quy định tại các thông tư:

- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 1/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 01/2020/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

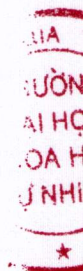
- Thông tư số 14/2022/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHHCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Tiêu chuẩn chung

- Người dự tuyển đã có kinh nghiệm công tác tại các Viện nghiên cứu, các Trường Đại học công lập từ 12 tháng trở lên;

- Chủ nhiệm ít nhất một đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và là tác giả của ít nhất 01 bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học trong nước có uy tín trong hoặc ngoài nước.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghiên cứu viên (hạng III).



2. Đối tượng thi tuyển

Có bằng cử nhân trở lên phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu đăng ký dự tuyển.

3. Đối tượng xét tuyển

Có bằng tiến sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu đăng ký dự tuyển.

C. CHUYÊN VIÊN (01.003)

Tiêu chuẩn cụ thể thực hiện theo quy định tại các thông tư:

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNV của Bộ Nội vụ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

1. Tiêu chuẩn chung

- Người dự tuyển đã có kinh nghiệm công tác ở vị trí chuyên viên tại các đơn vị thuộc Viện nghiên cứu, các Trường Đại học công lập từ 12 tháng trở lên;

- Đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh chuyên viên (hạng III).

2. Đối tượng thi tuyển

Có bằng cử nhân trở lên do các cơ sở đào tạo uy tín trong hay ngoài nước cấp.

3. Đối tượng xét tuyển

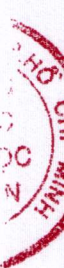
Có bằng tiến sĩ trở lên do các cơ sở đào tạo uy tín trong hay ngoài nước cấp.

II. TIẾP NHẬN VÀO VIÊN CHỨC

Đối tượng áp dụng tiếp nhận vào viên chức: Người có đủ 05 năm công tác trở lên đang làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật.

Thời gian công tác quy định tại điểm này là thời gian làm chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, không tính thời gian tập sự theo quy định tại Điều 21 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

Trường hợp thời gian tập sự, thử việc tại công việc đang làm theo quy định của pháp luật ít hơn thời gian tập sự của công việc được tiếp nhận quy định tại khoản 2 Điều



21 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 thì thời gian chênh lệch ít hơn này được tính vào thời gian tập sự.

Trường hợp có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn.

